

1542	318	Phạm Minh Thông	01/01/2006			Tổ 06, ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1543	319	Phạm Nguyễn Công Thành	01/01/1998			ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1544	320	Phạm Quang Tài	24838		272294894	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.000	Chết TS/2020
1545	321	Phạm Siêng	15/04/1936		272170669	Tổ 12 - ấp 01	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1546	322	Phạm Thị Chuyển		01/01/1937	270415890	Tổ 05 - ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1547	323	Phạm Thị Đệ		01/01/1932		Tổ 7, ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1548	324	Phạm Thị Duy Hiền		25/12/1975		ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1549	325	Phạm Thị Hương		01/01/1938		ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1550	326	Phạm Thị Khuyên		10/05/1938		ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1551	327	Phạm Thị Mai		20/02/1933	184211463	ấp 01	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1552	328	Phạm Thị Năm		01/01/1937	272873393	Tổ 10 - ấp 04 Khoản	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1553	329	Phạm Thị Neng		01/01/1933	272294788	Tổ 12 - ấp 01	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1554	330	Phạm Thị Nhận		01/01/1933	272554460	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1555	331	Phạm Thị Suốt		01/01/1967		Tổ 07, ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1556	332	Phạm Thị Thanh Xuân		01/01/1938		Tổ 07, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1557	333	Phạm Thị Thêu		01/01/1934	272192053	Tổ 9, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1558	334	Phạm Thị Thu phương		01/01/1951	310575903	Tổ 16 - ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1559	335	Phạm Thị Thuộc		01/01/1926		ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1560	336	Phạm Thị Tuyên		20/01/1993	272170761	ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1561	337	Phạm Thị Vun		01/01/1938		Tổ 04, ấp 02	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1562	338	Phạm Trường Hải	22/10/2007			ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1563	339	Phạm Tuệ Nhi		05/04/2015		ấp 2	Khoản 1 điều 5 ND 136	450	1.500	
1564	340	Phạm Văn Lộc	02/11/2008			Tổ 05 - ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1565	341	Phạm Văn Long	06/06/2004			tổ 7, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1566	342	Phạm Văn Thành	01/01/1940		272156616	Tổ 12, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1567	343	Phạm Văn Thùy	01/01/1929		272588195	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1568	344	Phạm Ngọc Chấn	10/10/1960			tổ 10, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	

1569	345	Phan Thanh Huy	01/01/2000				áp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1570	346	Phan Thị Ca		01/01/1930	181023639		áp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1571	347	Phan Thị Định		01/01/1932			Tổ 4, áp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1572	348	Phan Thị Liệu		01/01/1940	270160417		tổ 3, áp 5	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1573	349	Phan Thị Trường		01/01/1960	212588257		tổ 8, áp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1574	350	Phan Văn Chi	01/01/1939		272654611		áp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1575	351	Phùng Thị Páp		01/01/1933	270420720		Tổ 7, áp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1576	352	Phùng Văn Thủy	01/01/1963				áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1577	353	Quách Văn Ngọc	17/01/2004		272994201		tổ 7, áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1578	354	Sầm Say Kín	01/01/1958				áp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1579	355	Sầm Sùi Ôn	01/01/1989				áp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1580	356	Tạ Thị Nga		20/06/1987			tổ 5, áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1581	357	Tăng Nhật Thiên	09/12/2008				tổ 8, áp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1582	358	Thân Thị Duyên		01/01/1938			Tổ 18, áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1583	359	Thân Thị Thảo Duyên		01/01/2008			Tổ 09 - áp 04	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1584	360	Thân Thị Tờ		10/10/1938			áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1585	361	Thống Sính Cú		01/01/1930			áp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1586	362	Tổng Thị Sang		01/01/1935			Tổ 8, áp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1587	363	Tổng Văn Xinh	01/01/1934		270375594		Tổ 10, áp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1588	364	Trần công Đoàn	01/01/1976				áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1589	365	Trần Công Miu		01/01/1932			áp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1590	366	Trần Hải Âu	01/06/1977				Tổ 06, áp 02	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1591	367	Trần Kim Sang		27/10/1981	271574660		Tổ 14, áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1592	368	Trần Minh Lê	13/06/1950		271978813		Tổ 11, áp 03	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1593	369	Trần Minh Nhật	29/05/2010				áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1594	370	Trần Minh Thuận	01/01/1999				áp 13 - áp 01	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1595	371	Trần Ngọc Tầm	01/01/1941		161395472		áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500

1596	372	Trần Nguyễn Nhật Duy	15/07/2006			Tổ 02, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1597	373	Trần Phú Nhân	16/08/1988			ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1598	374	Trần Quang Báu	01/01/1955			ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1599	375	Trần Quang Hưng	03/12/1995			Tổ 11, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1600	376	Trần Quang Lâm	31/05/2004			tổ 15, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1601	377	Trần Rằm	01/01/1931			ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1602	378	Trần Thanh Tùng	01/01/1986			ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1603	379	Trần Thị Bảy	01/01/1939		272294897	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1604	380	Trần Thị Công	01/09/1958			ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1605	381	TRẦN Thị Cú	01/01/1935		270745521	Tổ 15, ấp 01	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1606	382	Trần Thị Diệt	01/01/1928			ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1607	383	Trần Thị Dung	01/01/1935			Tổ 01, ấp 02	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1608	384	Trần Thị Hát	01/01/1939		272830157	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1609	385	Trần Thị Hoài Thu	09/08/2004			tổ 2, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1610	386	Trần Thị Hoi	10/10/1942		272310121	tổ 4, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1611	387	Trần Thị Khang	01/01/1928			ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1612	388	Trần Thị Khuyên	01/01/1932			ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1613	389	Trần Thị Kiệm	01/01/1961			ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1614	390	Trần Thị La	01/01/1931		160406841	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1615	391	Trần Thị Lan	01/01/1965			ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1616	392	Trần Thị Lan	01/01/1932			Tổ 02, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1617	393	Trần Thị Liên	01/01/1933		270656992	Tổ 03 - ấp 02	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1618	394	Trần Thị Liên	01/01/1959			ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1619	395	Trần Thị Lý	01/01/1937		272736126	Tổ 14, ấp 02	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1620	396	Trần Thị Phụng	01/01/1959			tổ 13, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1621	397	Trần Thị Thảo	05/03/1940		272495421	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1622	398	Trần Thị Thoa	01/01/1918			Tổ 1 -ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	

1623	399	Trần Thị Thuyền		01/01/1931		Tổ 14, ấp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1624	400	Trần Thị Toan		01/01/1938		Tổ 5, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1625	401	Trần Thị Tuất		25/12/1934		Tổ 6, ấp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1626	402	Trần Thị Tuyến		01/01/1991		Tổ 11, ấp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1627	403	Trần Thị Tỷ		01/01/1930		ấp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1628	404	Trần Thu Hà		01/01/2000		ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1629	405	Trần Trung Dũng	01/01/1980			ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1630	406	Trần Trung Hiếu	01/01/2003			Tổ 12, ấp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1631	407	Trần Trung Sơn	19/09/2001		272793907	ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1632	408	Trần Văn Hải	01/01/1961			ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1633	409	Trần Văn Hoan	06/08/1949		272080816	ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1634	410	Trần Văn Huy Bảo	22/06/2005			ấp 5	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1635	411	Trần Văn Khuyển	01/01/1931		272310002	ấp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1636	412	Trần Văn Lai	01/01/1936		270096051	Tổ 09, ấp 04	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1637	413	Trần Văn Lợi	01/01/1986		271656607	ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1638	414	Trần Văn Ngời	01/01/1933			Tổ 13, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1639	415	Trần Văn Quyền	01/01/1932			ấp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1640	416	TRẦN VĂN THÀNH	01/01/1940		270153947	tổ 14, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1641	417	Trần Văn Tuyến	01/01/1932			Tổ 03, ấp 06	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1642	418	Trịnh Công Sơn	23/11/1998		272617600	tổ 5, ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1643	419	Trịnh Hồng Sinh	01/01/1960		272618154	ấp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1644	420	Trịnh Khánh Ngọc		22/08/2016		ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1645	421	Trịnh Văn Tinh	01/01/1988		271828842	ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1646	422	Trịnh VĂN Tuấn	04/12/1987		271925384	ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1647	423	Trương Ngọc Huy	01/01/1986			ấp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1648	424	Trương Thị Hoàng Bình		01/01/1956	272338524	ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500
1649	425	Trương Thị Mộng Cầm		01/01/1969		Tổ 13, ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500

1650	426	Trương Thị Trần		01/01/1923		Tổ 13, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1651	427	Trương Văn Chức	01/01/1964			Tổ 15 - ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1652	428	Võ Dương Lâm	01/01/1987			Tổ 03 - ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1653	429	Võ Hoàng Quốc	09/11/1996		272618858	tổ 10, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1654	430	Võ Tả Tài	21/09/2004			tổ 4, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1655	431	Võ Thành Nhân	01/01/1987			Tổ 03 - ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1656	432	Võ Thị Mỹ		30/05/1936	272925746	Tổ 10, ấp 05	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1657	433	Võ Thị Út		01/01/1932	271296416	ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1658	434	Võ Văn Hòa	01/01/1951		271924991	Tổ 11, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1659	435	Vòng Cẩm Lòng	02/10/1936		270759039	tổ 14, ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1660	436	Vòng Lâm	01/01/1983		271656512	Tổ 15 - ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1661	437	Vòng Mẫn Tàu	01/01/1969		270895350	Tổ 15 - ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1662	438	Vòng Mẫn Phi	01/01/1937			ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1663	439	Vũ Đăng Khôi	20/04/2014			Tổ 02, ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1664	440	Vũ Đức Tảo	01/01/1940		272192180	tổ 14, ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1665	441	Vũ Ngọc Hân	01/01/1939		271978434	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1666	442	Vũ Thanh Ba	15/01/1940		271842855	tổ 10, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1667	443	Vũ Thị Doan		01/01/1971	272368748	Tổ 3, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1668	444	Vũ Thị Đông		01/01/1946	272617439	ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1669	445	Vũ Thị Nhật		01/01/1940	272449066	Tổ 8, ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1670	446	Vũ Thị Nụ		01/01/1935	271192229	Tổ 01, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1671	447	Vũ Thị Oanh		01/01/1987	272618673	tổ 17, Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1672	448	Vũ Thị Phương		10/12/1995	272550081	Tổ 05, ấp 05	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1673	449	Vũ Thị Thanh		01/01/1930	272310960	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1674	450	Vũ Thị Thìn		01/01/1939	270438345	ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1675	451	Vũ Thị Thor		01/01/1935		Tổ 7, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1676	452	Vũ Thị Xâm		01/01/1940	272294756	Tổ 19, ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	

1677	453	Vũ Tiến Thành	01/01/1991				ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1678	454	Vũ Tuất	10/10/1933				Tổ 1, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1679	455	Vũ Văn Anh Tuấn	27/06/2006				Tổ 17, ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1680	456	Vũ Văn Bắc	01/01/1973				ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1681	457	Vũ Văn Chùy	11/01/1946				Tổ 01 - ấp 02	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1682	458	Vũ Văn Dân	01/01/1957				ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1683	459	Vũ Văn Lộc	02/09/1959				Tổ 11, ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1684	460	Vũ Viết Thi	01/01/1934		270756365		Tổ 9 - ấp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1685	461	Vũ Xuân Hồi	01/01/1939		272362010		ấp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1686	462	Vũ Xuân Thật	28/12/1985				tổ 13, ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1687	463	Vương Văn Kiên	01/01/1988				Tổ 04, ấp 01	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1688	464	chênh cắm Lồng	10/10/1936		270769550		ấp 5	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
8 Xã Thạnh Phú											
1689	1	Áu Thị Cẩn		01/01/1918			Áp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1690	2	Bùi Minh Thư		23/05/2006			Áp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1691	3	Bùi Nguyễn Phước Thiện	05/08/2015				ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1692	4	Bùi Thị Thơi		01/01/1923			ấp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1693	5	Bùi Thị Tươi		01/01/1975			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1694	6	Bùi Trần Anh Kiệt	26/03/2009				Tổ 03 - ấp 07	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
1695	7	Bùi Văn Lai	01/01/1955				ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
1696	8	Cao Đức Thành	28/01/2014				tổ 9D, ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1697	9	Cổ Thị Cái		01/01/1958	272238804		ấp 3	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1698	10	Đàm Thị Ứng		03/07/1938			ấp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	500	Chết T4/2020
1699	11	Đàm Văn Đô	10/10/1970		272441752		ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1700	12	Đặng Thị Cơ		01/02/1955	270384247		ấp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1701	13	Đặng Tuấn Anh	01/01/1975				ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1702	14	Danh Thị Hai		01/01/1950	270369818		ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	

1703	15	Danh Tuấn Đạt	25/01/2015		ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1704	16	Đào Thị Lược		01/01/1933	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1705	17	Đào Thị Quan		19/12/1937	ấp 05	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1706	18	Đào Thị Tấn		01/01/1931	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1707	19	Đào Văn Hai	01/01/1940		ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1708	20	Đỗ Văn Siên	01/01/1934		ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1709	21	Đỗ Hữu An	01/01/1933		Tổ 7, ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1710	22	Đỗ Minh Chánh	27/12/1938		ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1711	23	Đỗ Thành Công	11/04/2014		ấp 07	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1712	24	Đỗ Thị Ba		01/01/1927	ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1713	25	Đỗ Thị Hiếu		01/01/1933	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1714	26	Đỗ Thị Hồng Thu		01/01/1985	ấp 7	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1715	27	Đỗ Thị Lang		01/01/1934	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1716	28	Đỗ Thị Lết		01/01/1929	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1717	29	Đỗ Thị Năm		01/01/1938	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1718	30	Đỗ Thị Thanh Tuyết		29/08/1998	Tổ 05 - ấp 07	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1719	31	Đỗ Văn Cương	01/01/1935		Tổ 7, ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1720	32	Đỗ Văn Hoàng	01/01/1925		ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1721	33	Đỗ Văn Nôi	10/05/1936		ấp 07	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1722	34	Đoàn Thị Chở		01/01/1959	ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1723	35	Đoàn Thị Mỹ		01/01/1940	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1724	36	Đoàn Thị Tươi		01/01/1938	Tổ 02, ấp 07	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1725	37	Hà Thị Phương		10/08/1980	ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1726	38	Hồ Tấn Bình	01/01/1986		ấp 03	khoản 6, điều 5, ND 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1727	39	Hồ Thị Kìa		01/01/1932	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1728	40	Hồ Thị Kịch		01/01/1940	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1729	41	Hồ Thị Ngân		01/01/1936	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	

1730	42	Hồ Văn Nọ	01/01/1934		270384350	1386, tổ 3, ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1731	43	Huỳnh Công Tư	15/06/1940		273284072	ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1732	44	Huỳnh Hà Huy Hùng	03/06/2011			ấp 01	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1733	45	Huỳnh Lê Ngọc Khánh		26/01/2004		ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1734	46	Huỳnh Phước Hùng	26/01/1970		272873534	ấp 02	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1735	47	Huỳnh Thị Bồi		01/01/1939	270369341	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1736	48	Huỳnh Thị Chờ		10/07/1939	270383731	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1737	49	Huỳnh Thị Hai		01/01/1932		ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1738	50	Huỳnh Thị Hải		01/01/1957		ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1739	51	Huỳnh Thị Khảm		01/01/1927		ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1740	52	Huỳnh Thị Lờ		01/01/1935	270384050	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1741	53	Huỳnh Thị Ngọt		01/01/1930		ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1742	54	Huỳnh Thị Tâm		01/01/1943		ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1743	55	Huỳnh Thị Thiện Mười		01/01/1947	270369893	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	450	1.500	
1744	56	Huỳnh Thị Thu Thảo		26/10/1981		ấp 04	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1745	57	Huỳnh Thị Út		01/01/1931	270369756	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1746	58	Huỳnh Trí Tâm	17/12/2005			ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1747	59	Huỳnh Văn Lý	01/01/1934		270382577	1272c, tổ 5, ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1748	60	Huỳnh Văn Ngào	01/01/1937		270382585	ấp 03	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1749	61	Huỳnh Văn Ngươn	01/01/1937			ấp 03	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1750	62	Huỳnh Văn Nuôi	01/01/1933		270919440	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1751	63	La Thị Tinh		01/01/1938	270333307	ấp 02	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1752	64	Lê Hồng Chương	01/01/1970			ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1753	65	Lê Minh Luật	31/08/1977			ấp 05	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1754	66	Lê Mỹ Phượng		01/01/1965	270608164	ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1755	67	Lê Nguyệt Kiều		01/01/1939	270383817	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1756	68	Lê Phát Tài	31/12/1954		270101309	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	

1757	69	Lê Quang Trung	07/02/2008			ấp 02	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1758	70	Lê Tấn Phương	01/01/1980			ấp 07	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1759	71	Lê Tấn Thiện	13/11/1970			Tổ 02, ấp 03	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1760	72	Lê Thanh Hải	01/01/1982			ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1761	73	Lê Thanh Thuận	15/04/1989			ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1762	74	Lê Thế Quang	01/01/1966			ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1763	75	Lê Thị Anh		01/01/1934	270382706	ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1764	76	Lê Thị Chắt		01/01/1936	270382871	Tổ 01, ấp 03	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1765	77	Lê Thị Châu		01/01/1936	270883370	ấp 02	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1766	78	Lê Thị Đặng		01/01/1936	270383938	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1767	79	Lê Thị Gân		01/01/1932	270369072	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1768	80	Lê Thị Hồng Sự		01/01/1986	271725973	ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1769	81	Lê Thị Hườn		01/01/1932		ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1770	82	Lê Thị Kính		01/01/1930		ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1771	83	Lê Thị Lai		01/01/1939	270383317	ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1772	84	Lê Thị Liên		01/01/1939	270369758	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1773	85	Lê Thị Nga		01/01/1935	270384807	ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1774	86	Lê Thị Nghĩa		01/01/1932	270384514	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1775	87	Lê Thị Phúc		24/08/2000	272995890	tổ 4, ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1776	88	Lê Thị Sáu		01/01/1940	270007072	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1777	89	Lê Thị Sơ		01/01/1929	270374733	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1778	90	Lê Thị Tinh		01/01/1932		ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1779	91	Lê Thị Tư		05/10/1955	270383573	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	450	1.500	
1780	92	Lê Thị Yển		01/01/1958		ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1781	93	Lê Tiến Hồng		01/01/1924	272329159	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1782	94	Lê Tiến Phong		01/01/1932	181626451	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1783	95	Lê Trường Giang		12/01/1988	271827373	ấp 7	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	

1784	96	Lê Văn Cu	01/01/1934		270369430	Tổ 8, ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1785	97	Lê Văn Cút	07/03/1939		270369213	ấp 05	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1786	98	Lê Văn Dân	30/05/1939		270383679	ấp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1787	99	Lê Văn Nửa	01/01/1940		270383494	ấp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1788	100	Lê Văn Sở	01/01/1962			ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1789	101	Lê Văn Tánh	04/04/1936		270373536	ấp 06	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1790	102	Lê Văn Tộ	01/01/1932			ấp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1791	103	Lê Văn Trường	01/01/1933			Tổ 4, ấp 2	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1792	104	Lê Văn Xường	16/12/1939		270369270	ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1793	105	Lương Ngọc Mỹ		22/04/1998		ấp 04	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1794	106	Lương Thị Nhung		01/01/1930	272456305	ấp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1795	107	Lý Thị Khơi		01/01/1935	270369583	ấp 7	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1796	108	Lý Văn Hóa	01/01/1933			ấp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1797	109	Mạch Thanh Tuấn	13/03/2010			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1798	110	Mạch Thị Chừ		01/01/1939	270369890	ấp 7	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1799	111	Mạch Thị Lồng		01/01/1940	270369629	ấp 7	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1800	112	Mạch Văn Chuyển	08/04/1938		270369251	ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1801	113	Mạch Văn Phé	29/03/1937		270369763	ấp 7	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1802	114	Mai Thành Công	01/01/1998			ấp 6	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1803	115	Mai Thị Hơ		01/01/1937	270369122	ấp 07	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1804	116	Nguyễn Chí Hòa	01/01/1937			ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1805	117	Nguyễn Chí Hùng	01/01/1964			ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1806	118	Nguyễn Đức Tạo	25/03/1939		270651621	ấp 05	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1807	119	Nguyễn Hải Đăng	31/01/2012			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1808	120	Nguyễn Hoàng Nam	01/01/1999			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1809	121	Nguyễn Hữu Bình	05/10/1963		272220029	ấp 3	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1810	122	Nguyễn Kim Đăng	01/08/1953		272362888	ấp 04	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500

1811	123	Nguyễn Lê Bảo Duy	01/01/2003			ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1812	124	Nguyễn Mạnh Cường	27/10/1981		271783567	Tổ 03, ấp 01	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1813	125	Nguyễn Minh Tùng	01/01/1981			ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1814	126	Nguyễn Ngọc Bích Thảo		11/11/2006		ấp 7	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1815	127	Nguyễn Ngọc Duyên		01/01/1940	270369498	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1816	128	Nguyễn Ngọc Hoàng	01/01/1964			ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1817	129	Nguyễn Ngọc Sương	28/12/1964		270369472	ấp 6	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1818	130	Nguyễn Tấn Phát	26/05/2010			ấp 2	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1819	131	Nguyễn Thanh Bình	01/01/1979		271333821	ấp 01	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1820	132	Nguyễn Thành Nền	01/01/1971			ấp 7	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1821	133	Nguyễn Thanh Sang	01/01/1980			ấp 6	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1822	134	Nguyễn Thanh Thị		27/01/1972	272550881	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1823	135	Nguyễn Thị Ánh Phương		01/01/1939	270369109	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1824	136	Nguyễn Thị Bé		01/01/1937	270383796	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1825	137	Nguyễn Thị Bé		01/01/1937	272739074	ấp 05	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1826	138	Nguyễn Thị Cháp		01/01/1938	270385450	ấp 05	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1827	139	Nguyễn Thị Chè		01/01/1940	272145294	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1828	140	Nguyễn Thị Chuông		10/05/1938	270384355	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1829	141	Nguyễn Thị Đàm		01/01/1942	270383244	ấp 02	khoản 5, điều 5, ND 136	450	1.500	
1830	142	Nguyễn Thị Đạt		01/01/1919		Ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1831	143	Nguyễn Thị Dầu		01/01/1938	270383375	ấp 02	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1832	144	Nguyễn Thị Dẽ		01/01/1936		ấp 06	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1833	145	Nguyễn Thị Dẻ		01/01/1940	270369266	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1834	146	Nguyễn Thị Dẻ		01/01/1934	270382628	ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1835	147	Nguyễn Thị Đẹp		19/03/1957	270383615	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	450	1.500	
1836	148	Nguyễn Thị Diệu		01/01/1938	270384836	ấp 04	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1837	149	Nguyễn Thị Dừa		01/01/1939	270383378	ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	

1838	150	Nguyễn Thị Giàu		01/01/1938	270369403	ấp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1839	151	Nguyễn Thị Giờ		01/01/1927		ấp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1840	152	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/1933	270369594	Tổ 04 - ấp 03	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1841	153	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1953	270369596	ấp 03	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1842	154	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1939	270382588	ấp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1843	155	Nguyễn Thị Hóa		01/01/1935	270383502	Tổ 7, ấp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1844	156	Nguyễn Thị Hoàng		01/01/1937		ấp 04	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1845	157	Nguyễn Thị Khi		01/01/1939	270369396	ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1846	158	Nguyễn Thị Kim Cương		01/01/1970		ấp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1847	159	Nguyễn Thị Lài		06/09/1951	270383324	ấp 02	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1848	160	Nguyễn Thị Lôi		01/01/1939	270383608	ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1849	161	Nguyễn Thị Lợi		01/01/1937	270384772	ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1850	162	Nguyễn Thị Long		10/06/1989		Tổ 15 - ấp 01	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1851	163	Nguyễn Thị Long		01/01/1935	270369053	Tổ 2, ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1852	164	Nguyễn Thị Lùng		01/01/1931	270384053	ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1853	165	Nguyễn Thị Mang		01/01/1934	272179065	Tổ 4 - ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1854	166	Nguyễn Thị Mên		01/01/1932	270383742	ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1855	167	Nguyễn Thị Mót		01/01/1938	270384522	ấp 04	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1856	168	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/1969	270184714	ấp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1857	169	Nguyễn Thị Mỹ Linh		01/01/1988		ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1858	170	Nguyễn Thị Năm		01/01/1939	270384780	ấp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1859	171	Nguyễn Thị Nắng		10/01/1935	270369689	ấp 7	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1860	172	Nguyễn Thị Nào		01/01/1932	270369037	ấp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1861	173	Nguyễn Thị Ngàn		01/01/1937	270369552	ấp 07	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1862	174	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/1950	270384444	ấp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1863	175	Nguyễn Thị Ngọc Hương		01/01/1980		ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1864	176	Nguyễn Thị Nguyễn		01/01/1939	270369057	ấp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	

1865	177	Nguyễn Thị Như		01/01/1937	270369351	ấp 06	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1866	178	Nguyễn Thị Như		01/01/1938		ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1867	179	Nguyễn Thị Nữa		01/01/1940	270383174	ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1868	180	Nguyễn Thị Nuôi		01/01/1930		ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1869	181	Nguyễn Thị Pha Ný Na		19/11/2006		ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1870	182	Nguyễn Thị Phương		01/01/1977	271309864	ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1871	183	Nguyễn Thị Sùng		01/01/1933		ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1872	184	Nguyễn Thị Tế		01/01/1940	270383858	Tổ 8, ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1873	185	Nguyễn Thị Tép		17/10/1937	270384027	ấp 04	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1874	186	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1967		ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1875	187	Nguyễn Thị Tho		01/01/1963		ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1876	188	Nguyễn Thị Thom		01/01/1939	270369474	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1877	189	Nguyễn Thị Thom		01/01/1952	270380843	ấp 03	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1878	190	Nguyễn Thị Thu Cúc		01/01/1940	270382657	Tổ 4, ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1879	191	Nguyễn Thị Thúy Lan		10/10/1974		ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1880	192	Nguyễn Thị Tiếng		01/01/1928		ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1881	193	Nguyễn Thị Trà		11/06/1989		Tổ 15 - ấp 01	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1882	194	Nguyễn Thị Trâm		01/01/1938			khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1883	195	Nguyễn Thị Trừ		01/01/1934	270384408	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1884	196	Nguyễn Thị Tuyết Mai		04/01/1989		ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1885	197	Nguyễn Thị U'a		01/01/1947		ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1886	198	Nguyễn Thị Vinh		01/01/1935	270369170	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1887	199	Nguyễn Thị Vô		01/01/1936	270384420	ấp 04	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1888	200	Nguyễn Thị Vón		01/01/1942	270383967	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	450	1.500	
1889	201	Nguyễn Thị Xiêm		01/01/1933		Tổ 1, ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1890	202	Nguyễn Thị Xiêm		01/01/1937	270383998	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1891	203	Nguyễn Trọng Nhân	01/01/1974			ấp 7	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	

1892	204	Nguyễn Trường Hậu	01/01/1974		271098998	áp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1893	205	Nguyễn Văn Ánh	01/01/1939		270384499	áp 04	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1894	206	Nguyễn Văn Ba	01/01/1951			áp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
1895	207	Nguyễn Văn Bé	01/01/1931			áp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1896	208	Nguyễn Văn Cao	08/09/1951			áp 3	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1897	209	Nguyễn Văn Chằng	18/01/1935		270384910	áp 1	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1898	210	Nguyễn Văn Chơn	09/03/1936		270369007	Tổ 04 - áp 05	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.000	Chết TS/2020
1899	211	Nguyễn Văn Cu	01/01/1933			áp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1900	212	Nguyễn Văn Đạt	01/01/1949			áp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1901	213	Nguyễn Văn Hiếu	01/01/1933			áp 05	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1902	214	Nguyễn Văn Hoa	01/01/1936		270382970	áp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
1903	215	Nguyễn Văn Huyền	01/01/1935		270384725	áp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1904	216	Nguyễn Văn Huỳnh	01/01/1938		270384518	áp 04	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1905	217	Nguyễn Văn Kiên	01/01/1955			áp 3	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1906	218	Nguyễn Văn Lộc	01/01/1990			áp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1907	219	Nguyễn Văn Minh	01/01/1928			áp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1908	220	Nguyễn Văn Mỹ	01/01/1934			1552D, tổ 9, áp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1909	221	Nguyễn Văn Ngọc	01/01/1954		270383623	áp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1910	222	Nguyễn Văn Niên	01/01/1935		270369342	áp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1911	223	Nguyễn Văn Phước	10/11/1937		270369147	áp 05	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1912	224	Nguyễn Văn Sanh	12/11/1939		270383018	áp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1913	225	Nguyễn Văn Thành	01/01/1953		270384850	áp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
1914	226	Nguyễn Văn Thọ	01/01/1939		270382658	áp 3	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1915	227	Nguyễn Văn Thọ	01/01/1938		270384781	áp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
1916	228	Nguyễn Văn Tới	09/05/1935			áp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1917	229	Nguyễn Văn Tú	08/12/1994			áp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1918	230	Nguyễn Văn Vàng	01/01/1970			áp 02	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	*

1919	231	Nguyễn Văn Vàng	01/01/1940		270384875	Tổ 2, ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1920	232	Nguyễn Văn Y	01/01/1961			ấp 2	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1921	233	Nguyễn Xuân Đông	01/01/1976			ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1922	234	Ninh Thị Nhỏ		01/01/1939	270383774	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1923	235	Phạm Anh Dũng	10/08/2008			ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1924	236	Phạm Thị Dầu		01/01/1939	270383065	ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1925	237	Phạm Thị Hương Yên		01/01/1946	270121215	ấp 03	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1926	238	Phạm Thị Lực		01/01/1938	272955180	Tổ 15, ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1927	239	Phạm Thị Nga		21/09/1995	187531650	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1928	240	Phạm Thị Nguyên		01/01/1940	270382819	tổ 3, ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1929	241	Phạm Thị Phi		01/01/1934	270369488	Tổ 8, ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1930	242	Phạm Thị Ra		01/01/1936	270383639	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1931	243	Phạm Thị Thu		01/01/1934	270383741	Tổ 6, ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1932	244	Phạm Thị Tiến		01/01/1937	270382999	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1933	245	Phạm Văn Hiến	01/01/1933			ấp 2	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1934	246	Phạm Hữu Đức	01/01/1984			ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1935	247	Phạm Thanh Ngà		01/01/1970		ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1936	248	Phạm Thị Lang		01/01/1938	270383995	ấp 01	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.000	Chết TS/2020
1937	249	Phạm Thị Tầm		03/06/1979	276039974	tổ 8, ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1938	250	Phạm Văn Giộc	01/01/1932		270369584	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1939	251	Phùng Thị Nga		01/01/1934	270369526	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1940	252	Thái Văn Hòa	01/01/1939		270382624	ấp 3	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1941	253	Tô Thị An		01/01/1937	270383237	ấp 02	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1942	254	Tổng Thị Bảy		01/11/1936	270369385	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1943	255	Tổng Thị Nhoi		01/01/1935	270369325	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1944	256	Trần Công Hậu	01/01/1994			ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1945	257	Trần Đức Viên	10/09/1963		276006286	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	

1946	258	Trần Kim Phụng		17/07/1961	270384381	ấp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1947	259	Trần Lê Trung Hiếu	04/10/1980			ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1948	260	Trần Minh Hiền	14/11/2002			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1949	261	Trần Minh Nhựt	01/01/2002			ấp 1	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1950	262	Trần Minh Tân	13/04/1981		271378651	ấp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1951	263	Trần Ngọc Tuyết Anh		01/01/2002		ấp 4	khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1952	264	Trần Nguyễn Phương Duy	11/10/1999			ấp 07	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1953	265	Trần Như Hà		16/05/1952		tổ 8, ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500
1954	266	Trần Phước Lợi	08/08/1960		270608614	ấp 6	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500
1955	267	Trần Quốc Bảo Châu	01/01/1936		272238083	Tổ 09 - ấp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1956	268	Trần Quốc Bình	30/03/1984			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1957	269	Trần Quốc Sử	20/10/1991			ấp 5	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1958	270	Trần Quốc Tuấn	23/01/1970		272495989	ấp 3	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1959	271	Trần Thanh Phú	04/06/2006			ấp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1960	272	Trần Thị An		01/01/1952		Tổ 05, ấp 02	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500
1961	273	Trần Thị Bót		01/01/1938	270369334	ấp 06	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1962	274	Trần Thị Bùi		01/01/1932		ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1963	275	Trần Thị Chót		01/01/1938	270384829	ấp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1964	276	Trần Thị Cùa		01/01/1949	270383101	ấp 02	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1965	277	Trần Thị Don		01/01/1938	270383824	ấp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1966	278	Trần Thị Gìn		01/01/1942	270383295	ấp 02	khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1967	279	Trần Thị Hai		01/01/1934	270369114	Tổ 6, ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1968	280	Trần Thị Hùng Anh		01/01/1932		ấp 6	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1969	281	Trần thị Kết		01/01/1934	270145306	ấp 2	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1970	282	Trần Thị Léo		01/01/1931		ấp 4	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500
1971	283	Trần Thị Lợi		01/01/1940	270056193	ấp 2	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500
1972	284	Trần Thị Lựu		01/01/1936	270382807	ấp 04	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500

1973	285	Trần Thị Lý		01/01/1935	270382682	Tổ, ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	500	Chết T4/2020
1974	286	Trần Thị Minh Sơn		01/01/1959	270106946	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1975	287	Trần Thị Năng		01/01/1937	270383701	ấp 03	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1976	288	Trần Thị Ngợi		01/01/1929		ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1977	289	Trần Thị Ngọt		01/01/1933	270017065	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1978	290	Trần Thị Nhanh		01/01/1940		ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	600	1.500	
1979	291	Trần Thị Nhanh		01/01/1932		ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1980	292	Trần Thị Tho		01/01/1937	270382584	ấp 03	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1981	293	Trần Thị Tuyết		05/10/1934	270382950	Tổ 02, ấp 02	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1982	294	Trần Văn Chung		01/01/1938	271018259	ấp 04	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1983	295	Trần Văn Miếng	01/01/1935		270382626	ấp 3	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1984	296	Trần Văn Trí	01/01/1931		270369726	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1985	297	Trần Văn Tùng	01/01/1954		270382829	ấp 02	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1986	298	Trịnh Thu Hà		01/01/1967	270650552	ấp 5	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1987	299	Trương Liên	05/03/1938		272145692	ấp 1	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1988	300	Trương Tấn Hùng	29/07/1956		270384200	ấp 05	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
1989	301	Trương Thị Ánh		01/01/1926	270031316	ấp 7	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1990	302	Trương Thị Giới		01/01/1939	270384654	ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1991	303	Trương Thị Tranh		01/01/1935	270369320	ấp 6	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1992	304	Trương Thị Trúc Mai		19/05/1970		ấp 04	khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
1993	305	Trương Văn Huyền	01/01/1940		270369012	ấp 5	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1994	306	Võ Hùng Minh	01/01/1971			ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1995	307	Võ Ngọc Xuân		01/01/1933		ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1996	308	Võ Thị Ánh		12/09/1968	272669166	ấp 1	khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
1997	309	Võ Thị Bánh		01/01/1937	270384633	ấp 04	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1998	310	Võ Thị Dậy		01/01/1923		ấp 4	khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
1999	311	Võ Thị Huệ		01/01/1955		ấp 4	khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	

2000	312	Võ Thị Lo			02/08/1933		áp 5	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2001	313	Võ Thị Lùng			01/01/1931	270369773	áp 7	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2002	314	Võ Văn Nghĩa	01/01/1937			270382555	áp 03	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2003	315	Võ Văn Phương	01/01/1938			270383426	áp 01	khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2004	316	Vũ Trần Ngọc Hân		03/11/2011			áp 05	khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2005	317	Vương Kim Hoa		01/01/1953			áp 3	khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
9	Thị trấn Vĩnh An										
2006	1	Mai Sỹ Hiếu	01/01/1935				KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	500	Chết T4/2020
2007	2	Bùi Đức Tài	19/02/2010				Tổ 2 A, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2008	3	Bùi Quang Tuấn	01/01/1963				Kp 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2009	4	Bùi Thế Phúc	01/01/1944				Tổ 07b - KP 08	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2010	5	Bùi Thị Bảo		01/01/1939	272618286		KP1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2011	6	Bùi Thị Bé		15/05/1965	272414837		Tổ 4, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2012	7	Bùi Thị Bộ		01/01/1940	272294430		tổ 7, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2013	8	Bùi Thị Cậy		05/05/1936	270372811		Tổ 05 - KP 05	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2014	9	Bùi Thị Hào		10/02/1939			KP6	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2015	10	Bùi Thị Lập		01/01/1981			Tổ 07 b, KP 08	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2016	11	Bùi Thị Nhung		01/01/1988			KP 6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2017	12	Bùi Thị Sáu	20/11/1929		170143897		kp3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2018	13	Bùi Thị Tám		01/01/1940	270374296		tổ 7, KP3	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2019	14	Bùi Thị Tư	01/01/1929				KP 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2020	15	Bùi Văn Hạnh	01/01/1935				Tổ 03A, KP 08	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2021	16	Bùi Văn Nhiệm	01/01/1961				KP 8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2022	17	Bùi Văn Phi	01/01/1995		272416580		KP 6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2023	18	Bùi Văn Tâm	01/01/1940		270374222		tổ 13, KP6	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2024	19	Bùi Văn Thuận	01/01/1975				KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2025	20	Cao Thị Dung		01/01/1944	272220665		KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	

2026	21	Cao Thị Nhung		01/01/1937	272751384	KP 04	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2027	22	Chắng Sỹ Nhi		01/01/1937	272325169	KP 06	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2028	23	Châu Thị Giáo		01/01/1932		Tổ 14, KP 2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2029	24	Châu Thu	01/01/1959		272464359	KP 6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2030	25	Châu Văn Tánh	01/01/1967		270817943	KP 6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2031	26	Chiu A Kiểm	01/01/1938		271239865	KP 07	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2032	27	Chu Thị Hà		10/12/1959		Tổ 7, KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2033	28	Chu Thị Vân		01/01/1949	272793498	Khu phố 08	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2034	29	Chuong Mỹ Lành		01/01/1994		tổ 14a, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2035	30	Chương Rìn Tuyết Phượng	28/05/2012			Tổ 14A, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2036	31	Đặng Bá Miêng	25/07/1965			Tổ 9, KP8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2037	32	Đặng Đình Phụng	25/12/1943		270920882	KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2038	33	Đặng Lon	20/08/1936			Tổ 08 - KP 02	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2039	34	Đặng Minh Lý	01/01/1952		271546362	tổ 12, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2040	35	Đặng Nguyễn Thùy Linh		25/10/2004	271427045	tổ 6, KP8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2041	36	Đặng Thị Hồng		01/01/1968	301029964	Kp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2042	37	Đặng Thị Kiên		01/01/1936		KP5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2043	38	Đặng Thị Kiên		01/01/1932		Tổ 1, KP 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2044	39	Đặng Thị Lệ		01/01/1965	270859975	Tổ 07 - KP 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2045	40	Đặng Thị Liên		01/01/1967		Tổ 07 - KP 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2046	41	Đặng Thị Mỹ Chi		12/02/1996	272414416	Tổ 06 - KP 05	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2047	42	Đặng Thị Sen		01/01/1932	270372711	Tổ 9, KP 8	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2048	43	Đặng Trần Thanh Sang	28/08/2007			tổ 4, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2049	44	Đặng Văn Dũng	01/01/1938		270374149	tổ 4, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2050	45	Đào Đức Thịnh	01/01/1936			Tổ 04 - KP 03	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2051	46	Đào Mùi		21/08/1940	020869202	Tổ 13, KP 06	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2052	47	Đào Quỳnh Gia Hân		09/05/2011		Tổ 04 - KP 03	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	

2053	48	Đào Thị Hồng		11/12/1987		KP5	Khoản 4, Điều 5, NĐ136	600	1.500	
2054	49	Đào Văn Bảng	05/08/1948		272294584	KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2055	50	Đào Văn Trang	01/01/1982			Tổ 02 - KP 06	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2056	51	Đinh Hữu Quang	17/02/1965			Tổ 20, KP 5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2057	52	Đinh Phi Hùng		22/05/2010		tổ 1, KP8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2058	53	Đinh Thị Hồng		01/01/1940		Tổ 9, KP6	Khoản 5, Điều 5, NĐ136	300	1.500	
2059	54	Đinh Thị Lạc	01/01/1930			Tổ 6, KP 5	Khoản 5, Điều 5, NĐ136	300	1.500	
2060	55	Đinh Thị Lợi		01/01/1955		tổ 8, kp1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2061	56	Đinh Thị Luy		01/01/1962	272349145	tổ 6, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2062	57	Đinh Thị Phòng		15/08/1940		Tổ 10, KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2063	58	Đinh Thị Sơn	01/01/1961		272325951	Tổ 7, KP8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2064	59	Đinh Thị Thanh		01/01/1946		Tổ 14, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2065	60	Đinh Thị Tuyết		01/01/1927		KP 7	Khoản 5, Điều 5, NĐ136	300	1.500	
2066	61	Đinh Thị Tuyết		17/08/1944		Tổ 11, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2067	62	Đinh Thị Xuân Hòa		13/01/2016		KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2068	63	Đinh Thị Xương		01/01/1924		KP6	Khoản 5, Điều 5, NĐ136	300	1.500	
2069	64	Đinh Tiến Dũng	27/03/2010		272018352	Tổ 11, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2070	65	Đinh Văn Duy	23/03/1993		272170182	tổ 28, kp2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2071	66	Đinh Văn Hải	01/01/1975		271239688	tổ 14, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2072	67	Đinh Văn Hùng	01/01/1973		271239617	tổ 11, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2073	68	Dịp A Sập	01/01/1979		271377742	Kp 6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2074	69	Đỗ Bá Hưng	13/11/1960			tổ 9B, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2075	70	Đỗ Đỗ	01/01/1948			kp8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	600	Đã nhận 900.000đ vé số
2076	71	Đỗ Thị Đà		01/01/1950		Tổ 2, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2077	72	Đỗ Thị Hồng Cúc	01/01/1986			Tổ 12, KP 5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2078	73	Đỗ Thị Út		01/01/1928		KP 5	Khoản 5, Điều 5, NĐ136	300	1.500	
2079	74	Đỗ Thị Yên		01/01/1957	270651906	Tổ 9, KP8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	

2080	75	Đỗ Văn Được	01/01/1928			Tổ 9, KP 5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2081	76	Đỗ Văn Quang	01/01/1940		270373880	tổ 3, KP4	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2082	77	Đỗ Văn Tỷ	01/01/1932			Tổ 5, KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2083	78	Đoàn Đức Bình	06/12/2003			Tổ 14, KP 06	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2084	79	Đoàn Hồng	01/01/1927			KP 8	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2085	80	Đoàn Thị Kim Oanh		01/01/1946		KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2086	81	Đoàn Thị Luyệt		01/01/1961		KP 07	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2087	82	Đoàn Thị Mỹ Tâm		07/09/2011		Tổ 14, KP 06	Khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2088	83	Đoàn Thị Thu		17/11/1960	272105084	tổ 5, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2089	84	Đoàn Thị Yến		06/10/1939	270372647	Tổ 17, KP2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2090	85	Đoàn Văn Đây	15/02/1946		271582357	Tổ 2, KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2091	86	Đoàn Văn Thảo	01/01/1972			Tổ 9.KP 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2092	87	Đoàn Văn Thuận	01/01/1972			Tổ 9.KP 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2093	88	Dương Công Tố	01/01/1975			Tổ 8.KP 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2094	89	Dương Hoàng Uyên Nhi		13/08/2007		KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2095	90	Dương Thị Giải		01/01/1933		Tổ 11, KP6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2096	91	Dương Thị Hệ		08/10/1968	272588616	Tổ 08, KP 08	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2097	92	Dương Thị Ngọc Bích		01/01/1957	270906368	tổ 7, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2098	93	Dương Thị Quý		01/01/1936		Tổ 07- KP 03	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2099	94	Dương Thị Thu		01/01/1939	272617229	KP5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2100	95	Dương Văn Hồ	01/01/1968			Tổ 03, KP 07	Khoản 4, Điều 5, ND136	600	1.500	
2101	96	Dương Văn Khải	01/01/1928			KP 5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2102	97	Dương Văn Quang	01/01/1985			KP 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2103	98	Hà Nhật Đạo	01/01/1938			KP 01	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2104	99	Hà Thị Ninh	25/12/1954		272654583	Tổ 9, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2105	100	Hà Thị Thái		01/01/1930	270372333	KP 2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2106	101	Hà Tiến Lâm	02/02/1933			Tổ 6 - KP 2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	

2107	102	Hồ Bích Thủy		01/01/1970		KP 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2108	103	Hồ Hoàng Quốc Huy	11/09/2010			Tổ 14, KP 02	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2109	104	Hồ Kim Bích		01/01/1967		KP 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2110	105	Hồ Minh Nguyệt		21/12/2012		Tổ 04 - KP 02	Khoản 1, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2111	106	Hồ Thị Chức		21/09/1938	270372159	Tổ 5, KP2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2112	107	Hồ Thị Hồng Nhung		22/01/2003		KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2113	108	Hồ Thị Huyền Trang		01/01/1989	271342201	Tổ 02, KP 05	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2114	109	Hồ Thị Ngọc Thu		01/01/1978		KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2115	110	Hồ Thị Yến Vy		01/01/1997	272554408	Tổ 1 A, KP 2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2116	111	Hoàng Chí Sỹ	01/01/1957			KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	600	Đã nhận 900.000đ vé số
2117	112	Hoàng Công Uẩn	05/10/1958			KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	500	Chết T4/2020
2118	113	Hoàng Đình	05/10/1940		272846803	Tổ 21A, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2119	114	Hoàng Đình Châu	01/01/1951		272588344	tổ 5, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2120	115	Hoàng Đơn	08/10/1937		270372151	Tổ 5, KP 2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2121	116	Hoàng Nam	01/01/1968		270650165	KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2122	117	Hoàng Thanh Việt	03/01/1992			tổ 9, kp2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2123	118	Hoàng Thị Ca		01/01/1939	272495452	KP3	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2124	119	Hoàng Thị Láng		01/01/1963		Tổ 4, KP 6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2125	120	Hoàng Thị Mến	01/01/1986			KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2126	121	Hoàng Thị Ngai		01/01/1930		tổ 28, KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2127	122	Hoàng Thị Nương		18/08/1933		KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2128	123	Hoàng Thị Thắm		01/01/1939	271582168	KP3	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2129	124	Hoàng Thị Thín		01/01/1946	270620545	Tổ 13, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2130	125	Hoàng Thị Thùy		01/01/1978		KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2131	126	Hoàng Tiến Hùng	01/01/2005			TT Vĩnh An	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2132	127	Hoàng Từ	01/01/1933			Tổ 1b - KP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2133	128	Hoàng Văn Giang	01/01/1950		271582185	Khu phố 01	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	

2134	129	Hoàng Văn Giang	06/02/1963		271582185	KP 07	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2135	130	Hoàng Văn Hiệu	01/01/1933			kp2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2136	131	Hoàng Văn Liễu	01/01/1965		270639056	tổ 4, kp2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2137	132	Hoàng Văn Thái	01/01/1955			KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2138	133	Huỳnh Di	01/01/1957			KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2139	134	Huỳnh Duy Tân	04/01/1990		271842575	KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2140	135	Huỳnh Giao	01/01/1939		272618285	KP1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
2141	136	Huỳnh Lê Hiếu	11/10/2006			tổ 6, KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2142	137	Huỳnh Thanh Phương		17/06/1984	271572892	Tổ 12, KP 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2143	138	Huỳnh Thị Bích Châm		01/01/1995		Tổ 3.KP 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2144	139	Huỳnh Thị Giới		01/01/1962		tổ 2,	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2145	140	Huỳnh Thị Khuê		01/01/1938	270372115	Tổ 9, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2146	141	Huỳnh Thị Kim Liên		22/05/1968	271734624	KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2147	142	Huỳnh Thị Ngọc		01/01/1949		Tổ 12b, KP 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2148	143	Huỳnh Thị Ngọc Huệ		25/10/1969		Tổ 9, KP 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2149	144	Huỳnh Thị Thịnh		01/01/1940	270374248	tổ 5, KP3	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
2150	145	Huỳnh Thị Thuận		01/01/1952	270372983	tổ 4, KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2151	146	Huỳnh Văn Năm	01/01/1955			KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2152	147	Hỷ Và Nam	29/10/2002			KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2153	148	Khúc Thị Dư		01/01/1940	272793195	tổ 7, kp8	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
2154	149	Kiều Thị Bích Dung		01/01/1962		TT Vinh An	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2155	150	La Thị Phật		01/01/1957		tổ 6, KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2156	151	Lã Văn Tọa	01/01/1939			KP3	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
2157	152	Lại Đức Duy	01/01/1945			Tổ 10, KP 6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2158	153	Lâm Chính Trục	09/11/1999		272713997	Tổ 07 B, KP 07	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2159	154	Lâm Hồng Hào		14/09/1963	270639038	Tổ 05, KP 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2160	155	Lâm Quốc Đạt	01/01/2004			KP2	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	

2161	156	Lăng Thị Thúy Hằng			01/01/1965	272441521	Khu phố 07	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2162	157	Lê Bá Huy	01/01/1919				KP 5	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2163	158	Lê Châu Lang	01/01/1965			271756043	Tổ 4, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2164	159	Lê Chí Lữ	01/01/1934			270372454	Tổ 2 - KP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2165	160	Lê Cung Kính	01/01/1940			270389100	Tổ 12, KP1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2166	161	Lê Đức Quý	29/12/1967			270639050	Tổ 12, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2167	162	Lê Đức Thảo	01/01/1959			272654951	Tổ 7, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2168	163	Lê Duy Bảo Ngọc	07/02/2007				KP8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2169	164	Lê Duy Dạn	01/01/1969			271529009	Tổ 01 - KP 01	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2170	165	Lê Hoàng Thiên Vinh	01/01/1989				TT Vĩnh An	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2171	166	Lê Huy Liêm	01/01/1990			271907766	KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2172	167	Lê Kiều Mỹ Dung		01/01/2010			Tổ 14 - KP 01	Khoản 1, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2173	168	Lê Minh Tiến	12/03/1997			272495681	KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2174	169	Lê Mừng	01/01/1942				Tổ 6, KP 5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2175	170	Lê Ngọc Quý	01/01/1983			271527138	KP 8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
2176	171	Lê Quang Mạnh	28/07/1943				KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2177	172	Lê Quang Ngọc Kim	01/01/2003				KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2178	173	Lê Quang Thế	01/01/1960			190911446	KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2179	174	Lê Quốc Tiến	01/01/1989				KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2180	175	Lê Tấn Huy	31/07/1975			271098675	Tổ 1, KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
2181	176	Lê Thế Sinh		01/01/1938			KP 07	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2182	177	Lê Thị Anh		01/01/1931			Tổ 5, KP 5	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2183	178	Lê Thị Bông		01/01/1938		270372913	Tổ 10, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
2184	179	Lê Thị Càn		01/01/1938			KP 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2185	180	Lê Thị Châu		01/01/1933			Tổ 5 - KP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2186	181	Lê Thị Chiên		01/01/1937			KP 07	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
2187	182	Lê Thị Chúc		01/01/1925			KP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	

2188	183	Lê Thị Có	01/01/1927			KP 8	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2189	184	Lê Thị Đàm		01/01/1948	271978862	KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2190	185	Lê Thị Diễm		01/01/1943		Tổ 5, KP5	Khoản 5, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2191	186	Lê Thị Đình		01/01/1938	270372057	KP 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136		1.500	
2192	187	Lê Thị Duệ		01/01/1931		Tổ 13, KP 5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2193	188	Lê Thị Gái	01/01/1956			KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2194	189	Lê Thị Hoa		01/01/1935		Tổ 06, KP 04	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	500	Chết T4/2020
2195	190	Lê Thị Hoa		01/01/1937		KP 06	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2196	191	Lê Thị Hoa		02/03/1938		KP8	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2197	192	Lê Thị Hương Oanh		01/01/1982		KP 6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2198	193	Lê Thị Lai		01/01/1937	270368091	Tổ 03, KP 03	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2199	194	Lê Thị Liên		01/07/1935		Tổ 22, KP5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2200	195	Lê Thị Minh		12/04/1984	164235885	KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2201	196	Lê Thị Mừng	16/10/1951		150349205	KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2202	197	Lê Thị Mỹ		01/01/1927		KP 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2203	198	Lê Thị Mỹ		01/01/1926		KP 2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2204	199	Lê Thị Mỹ Như		10/07/1975		KP2	Khoản 4, Điều 5, ND136	600	1.500	
2205	200	Lê Thị Na		01/01/1928		KP 5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2206	201	Lê Thị Nga		01/01/1958	272413449	KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2207	202	Lê Thị Phúc Đường		12/08/1992		KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2208	203	Lê Thị Phương Thảo		01/01/1980		Kp 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2209	204	Lê Thị Quỳnh		27/12/1984		Tổ 3A, KP 8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2210	205	Lê Thị Rót		21/09/1937	270269997	Tổ 12, KP 2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2211	206	Lê Thị Sầu		01/01/1949	272441736	Tổ 7, KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2212	207	Lê Thị Tấn		01/01/1935	270685534	Tổ 12, KP 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2213	208	Lê Thị Thân		10/08/1959	272654548	tổ 16, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2214	209	Lê Thị Thấn		01/01/1937	190154738	Tổ 03, KP 05	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	

2215	210	Lê Thị Thanh Thương		25/07/1955	272251305	Tổ 01, KP 08	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2216	211	Lê Thị Thí		18/05/1936		Tổ 05-KP02	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2217	212	Lê Thị Thí		01/01/1933		Tổ 4 - KP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2218	213	Lê Thị Thinh		01/03/1976		Tổ 1, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2219	214	Lê Thị Thôn		06/08/1935	260157180	Tổ 02, KP 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2220	215	Lê Thị Thu Thảo		20/11/2000		KP4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2221	216	Lê Thị Thủy		17/03/1958		KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2222	217	Lê Thị Thúy Hương	15/02/1986			tổ 6, kp7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2223	218	Lê Thị Toa		01/01/1936	272192965	KP 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2224	219	Lê Thị Tống Vinh		04/03/1970	270779019	tổ 17, kp7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2225	220	Lê Thị Tư		01/01/1937	270374238	Tổ 03, KP 03	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2226	221	Lê Thị Tuyết	08/10/1952		272554044	tổ 4, KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2227	222	Lê Va	05/04/1940			Tổ 6, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2228	223	Lê Văn Danh	01/01/1937		270374231	Tổ 3, KP 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2229	224	Lê Văn Dậu	15/11/1956		270389135	tổ 14, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2230	225	Lê Văn Hán	15/09/1971			KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2231	226	Lê Văn Hiệp	12/07/1958			KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
2232	227	Lê Văn Hùng	15/04/1963			tổ 9, KP4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2233	228	Lê Văn Ngà	03/08/1963		121137842	KP4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2234	229	Lê Văn Thực	01/01/1949		272220092	Tổ 13, KP3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
2235	230	Lê Văn Trường	01/01/1990			KP4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2236	231	Lê Văn Vàng	01/01/1986			KP 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2237	232	Lê Viết Lộc	01/01/1936			kp2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2238	233	Lê Viết Thụy	01/01/1992			KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2239	234	Liêu Thị Mùi		01/01/1936	271239913	Tổ 7B, KP 07	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2240	235	Lưu A Dương	20/10/1963			tổ 7, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2241	236	Lù Hánh Khìn	30/07/1958		270544761	KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500

2242	237	Lư Thị Himm		06/06/1949		tổ 8, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2243	238	Lương Bạu	15/08/1972		271925089	tổ 7, kp7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2244	239	Lương Thạch Liên	01/01/1930			Tổ 15, KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2245	240	Lương Thị Hà		01/01/1981	272362885	Tổ 7, KP 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2246	241	Lưu Bình Thái Việt	19/02/2013			Tổ 11, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2247	242	Lưu Cẩm	01/01/1966			Tổ 2.KP 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2248	243	Lưu Đình Xuân	08/08/1939			tổ 7, KP8	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2249	244	Lưu Quốc Trị	01/01/1979			KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2250	245	Lưu Thị Bé		18/04/1936	272464256	Tổ 07-KP02	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2251	246	Lưu Thị Chí		02/03/1947	272675213	tổ 7, KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2252	247	Lưu Thị Dậu		01/01/1952	272294926	Tổ 3, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2253	248	Lưu Thị Minh	11/10/1969		272518822	tổ 8, kp5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2254	249	Lưu Thị Soi		01/01/1952	272515767	KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2255	250	Lưu Thị Tươi	01/01/1954		272588383	tổ 4, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2256	251	Lưu Thị Tường Vy		29/09/2010		KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2257	252	Lưu Văn An	01/01/1941			Tổ 16, KP 5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2258	253	Lưu Văn Quyên	14/11/2001		272955478	tổ 3, KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2259	254	Lưu Văn Thân	04/05/1950			tổ 19, KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2260	255	Lý Phụng Vi	28/08/2007			KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2261	256	Lý Phương Din	15/01/1934		271925883	Tổ 7 - KP 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2262	257	Lý Thị Nhỏ		29/04/1936	272617749	Tổ 16 - KP 07	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2263	258	Lý Văn Minh	31/12/1999			Tổ 06, KP 07	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2264	259	Lý Văn Trọng	01/01/1949			Tổ 13, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2265	260	Mã Phi Thánh	20/08/1996		272550557	Tổ 9, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2266	261	Mặc Nhi Múi		20/10/1933	270768654	Tổ 15 - Khu Phố 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2267	262	Mai Đình Long	10/10/1949		272277735	Tổ 12, KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2268	263	Mai Hồng Phong	02/07/1979		271424317	Tổ 06, KP 03	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	

2269	264	Mai Nguyễn Đức	03/12/2014					Tổ 4B, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2270	265	Mai Nguyễn Thanh		12/10/2010				Tổ 04 - KP 08	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2271	266	Mai Thanh Sơn	01/01/1958		271783874			Tổ 6A, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2272	267	Mai Thị Điền Nhiên		06/10/1972				Tổ 9, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2273	268	Mai Thị Kim Nhân		18/03/1994	272353770			Tổ 17, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2274	269	Mai Thị Phi		01/01/1934	272277933			Tổ 11 - KP 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2275	270	Mai Thị Quy		01/01/1939	272362030			KP7	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2276	271	Mai Thọ	10/03/1937					Tổ 08, KP 06	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2277	272	Mai Văn Bồi	01/01/1931		270339240			Tổ 3, KP1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
2278	273	Mai Văn Tư	20/01/1939		272515867			KP6	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2279	274	Mai Xuân Đại	21/12/2008					Tổ 12B, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2280	275	Mai Xuân Lộc	16/10/2010					Tổ 12B, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2281	276	Mai Xuân Phụng	24/04/1964		271656957			tổ 21, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2282	277	Muôn Thị Dịch		21/12/1938	270372854			KP5	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2283	278	Nghiêm Văn Trọng	26/02/1960		271539395			tổ 6, KP5	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2284	279	Ngô Thị Đào		01/01/1947	272362901			tổ 14, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2285	280	Ngô Thị Dậu		01/01/1958	272495176			KP8	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2286	281	Ngô Thị Hương		01/01/1972				Tổ 01, KP 07	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2287	282	Ngô Thị Lang		22/06/1940	272251934			Tổ 6B, KP7	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
2288	283	Ngô Thị Ngọc Mai		01/01/2008				KP 04	Khoản 1, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2289	284	Ngô Thị Quyên		01/01/1933				Tổ 5 - KP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
2290	285	Ngô Văn Kết	05/06/1960					tổ 14A, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2291	286	Ngô Văn Phụng	04/04/1960		270373781			Tổ 2, KP4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
2292	287	Ngô Văn Toàn	02/12/1986		272515296			KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
2293	288	Ngô Xuân Quý	01/01/1969					tổ 15, KP2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2294	289	Ngũ Thị Cây		20/11/1946	270594128			tổ 14, KP6	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
2295	290	Nguyễn Thị Ngoạn		01/01/1929				kP 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500

2296	291	Nguyễn Anh Tuấn	01/01/2002			Tổ 8, KP4	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2297	292	Nguyễn Bá Khuyển	01/01/1965			tổ 7, kp3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2298	293	Nguyễn Bá Rông	01/01/1956			tổ 1, KP8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2299	294	Nguyễn Bá Thiện	15/05/2010			Tổ 07 - KP 03	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2300	295	Nguyễn Bảo	01/01/1972		271019644	Tổ 10, KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2301	296	Nguyễn Bảo Long	08/01/1959		272294439	KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2302	297	Nguyễn Châu	01/01/1940			Tổ 14, KP1	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2303	298	Nguyễn Chí Long	06/06/2000			tổ 2, KP7	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2304	299	Nguyễn Công Khai	01/01/1936		270372727	Tổ 03 - KP 02	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2305	300	Nguyễn Đình Nhưong	01/01/1931			KP 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2306	301	Nguyễn Đình Phuong	20/08/1936			Tổ 25 - KP 02	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2307	302	Nguyễn Đình Trường	01/01/1980			Tổ 1, KP3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2308	303	Nguyễn Đình Vĩnh	19/11/1999		272925885	tổ 26, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2309	304	Nguyễn Đức	01/01/1937		270372715	KP 08	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2310	305	Nguyễn Đức Anh	25/03/2010			KP5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2311	306	Nguyễn Đức Huệ	01/01/1937		270372269	KP 02	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2312	307	Nguyễn Đức Long	22/10/2000			tổ 3a, KP8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2313	308	Nguyễn Đức Nghĩa	27/06/2012			Tổ 12B, KP 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2314	309	Nguyễn Đức Vĩnh	01/01/1978		271593303	Tổ 12b - KP 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2315	310	Nguyễn Gia Phong	23/11/2009			Tổ 7, KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2316	311	Nguyễn Giai Thu	13/03/1940		270372598	tổ 1, kp7	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	
2317	312	Nguyễn Hoa Anh Đào		21/11/2011		KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
2318	313	Nguyễn Hoàng Anh Thư		26/06/2012		KP1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2319	314	Nguyễn Hoàng Long	16/10/2006			KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2320	315	Nguyễn Hoàng Thành	05/02/2006			Tổ 3, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
2321	316	Nguyễn Hưng	01/01/1967			KP 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
2322	317	Nguyễn Hữu Ngộ	23/08/1938		272413997	KP2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500	

2323	318	Nguyễn Hữu Phúc	20/04/1937		272550386	KP5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2324	319	Nguyễn Khắc Hiệp		01/01/1965		KP 5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2325	320	Nguyễn Khăng	01/01/1933			Tổ 6, KP 5	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2326	321	Nguyễn khiêm	01/01/1937			Tổ 07, KP 02	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2327	322	Nguyễn Khoa Hối	01/01/1931			KP 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2328	323	Nguyễn Khoa phụng	19/09/1937		272220074	Tổ 14, KP 06	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2329	324	Nguyễn Lâm	01/01/1978			Tổ 21, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2330	325	Nguyễn Lê Huy	06/11/1991		017007469	Tổ 3, KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2331	326	Nguyễn Lộc Đức	21/10/2006			Tổ 07, KP 7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2332	327	Nguyễn Mạnh Hoàng	22/09/1983		271527103	Tổ 6, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2333	328	Nguyễn Minh Cường	06/11/1987			Tổ 4, khu phố 5	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2334	329	Nguyễn Minh Hoàng	15/09/2011			Tổ 2, KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2335	330	Nguyễn Minh Hoàng	28/05/2005			KP4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
2336	331	Nguyễn Minh Trí	01/01/2009			KP6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2337	332	Nguyễn Ngọc	04/05/1967		270779033	tổ 18, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2338	333	Nguyễn Ngọc Ánh	01/01/1984		271727803	Tổ 01, KP 04	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2339	334	Nguyễn Ngọc Dung		10/04/1998	272736236	Tổ 01, KP 07	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2340	335	Nguyễn Ngọc Vên		01/01/1934	270372568	Tổ 2 - KP 2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2341	336	Nguyễn Nguyễn Ngọc		10/03/1995		Tổ 01, KP 07	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2342	337	Nguyễn Phạm Bảo Thi		01/01/2003		KP8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
2343	338	Nguyễn Phong Tền	01/01/1931		270373724	Kp 6	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2344	339	Nguyễn Phúc Am	28/03/1954		090115437	kp6	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
2345	340	Nguyễn Phước Hào	19/03/1949		270016637	Tổ 2, KP7	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2346	341	Nguyễn Quang Thiệu	01/01/1958		272495284	KP8	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
2347	342	Nguyễn Tấn HẠO	28/11/1945		270372196	tổ 6, KP2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
2348	343	Nguyễn Tấn Thanh	01/02/1939			KP2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500
2349	344	Nguyễn Tăng	14/04/1939		270372584	Tổ 1, KP2	Khoản 5, Điều 5, ND136	300	1.500